

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 4 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đắc Nghĩa
2. Ông Võ Văn Hoa Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Giàu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trần Thanh H**, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Tổ 20, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc H1**, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Tổ 20, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Ngọc H1 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó không còn hạnh phúc nữa do phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây gổ với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh và chị H1 đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay, anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Ngọc H1.

Về con chung: Anh và chị H1 có 03 con chung gồm: Trần Thanh Đ, sinh năm 2000; Trần Thị Mỹ Q, sinh năm 2002 và Trần Thanh Q1, sinh ngày 22/7/2005. Sau khi ly hôn anh yêu cầu để con chung là Trần Thanh Q1 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Còn 02 con chung là Trần Thanh Đ và Trần Thị Mỹ Q đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 3 năm 2022, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Ngọc H1 trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh Trần Thanh H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay, anh H yêu cầu ly hôn với chị, chị đồng ý.

Về nuôi con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thanh Q1, sinh ngày 22/7/2005, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Trần Thanh Đ, sinh năm 2000 và Trần Thị Mỹ Q, sinh năm 2002 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Thanh H là nguyên đơn, chị Nguyễn Ngọc H1 là bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị H1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng:

Về hôn nhân: Không công nhận anh Trần Thanh H và chị Nguyễn Ngọc H1 là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Anh H, chị H1 có 03 con chung gồm: Trần Thanh Đ, sinh năm 2000, Trần Thị Mỹ Q, sinh năm 2002 và Trần Thanh Q1, sinh ngày 22/7/2005, sau khi ly hôn anh H, chị H1 thống nhất để chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thanh Q1, chị H1 không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở; còn cháu Trần Thanh Đ, Trần Thị Mỹ Q đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, anh Hùng, chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh Hùng, chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Trần Thanh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Thanh H là nguyên đơn, chị Nguyễn Ngọc H1 là bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị H1.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Thanh H và chị Nguyễn Ngọc H1 chung sống với nhau vào từ năm 1999 không có đăng ký kết hôn. Xét việc sống chung với nhau như vợ chồng của anh H, chị H1 không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do vậy, căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Thanh H và chị Nguyễn Ngọc H1.

[3] Về nuôi con chung: Anh H, chị H1 thống nhất sau khi ly hôn, chị H1 sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thanh Q1, sinh ngày 22/7/2005. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Q1 là muốn sống cùng chị H1 khi cha mẹ ly hôn; chị H1 không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Trần Thanh Đ, sinh năm 2000 và cháu Trần Thị Mỹ Q, sinh năm 2002 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, anh H, chị H1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị H1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Anh Trần Thanh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Thanh H và chị Nguyễn Ngọc H1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Thanh Q1, sinh ngày 22/7/2005 cho chị Nguyễn Ngọc H1 trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị H1 không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Ghi nhận con chung Trần Thanh Đ, sinh năm 2000 và cháu Trần Thị Mỹ Q, sinh năm 2002, đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, anh H, chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh Trần Thanh H và chị Nguyễn Ngọc H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Thanh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh H đã nộp tại biên lai thu số 0007155 ngày 17 tháng 03 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Thanh H và chị Nguyễn Ngọc H1 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Lan